

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **322/2022/DS-ST**
Ngày 17 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần.
2. Ông Châu Vũ Bình (Châu Văn Bình).

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST- DS, ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cao Thị L**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng Th**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T1, xã T3, huyện Ch, tỉnh T.

2. Bị đơn:

- Chị **Cao Thị L1**, sinh năm 1974;

- Anh **Lê Văn M**, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh T.

(Có mặt chị Th, chị L1; vắng mặt ông M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Cao Thị L là chị Lê Thị Hồng Th trình bày:

Chị Cao Thị L, anh Lê Văn M và chị Cao Thị L1 là hàng xóm quen biết với nhau. Chị L có cho vợ chồng anh M, chị L1 vay nhiều lần với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 15/11/2020 vay 400.000.000 đồng.

Ngày 10/12/2020 vay 50.000.000 đồng.

Ngày 15/3/2021 vay 100.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2021 vay 100.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2021 vay 300.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2021 vay 200.000.000 đồng.

Chị L, chị L1 và anh M thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là khi nào cần thì báo trước 60 ngày, mục đích vay là chị L1 cho người khác vay lại. Chị L1 và anh M có đóng lãi nhưng không đầy đủ, đóng được bao nhiêu tiền thì không rõ. Ngày 12/02/2022, chị L1 có chốt nợ lại với chị L, chị L1 xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng vốn gốc cho đến khi hết nợ nhưng chị L không đồng ý và yêu cầu chị L1, anh M trả lại số nợ. Nhưng đã quá 60 ngày, chị L1 và anh M không trả lại số tiền còn nợ cho bà L. Nay chị L yêu cầu chị L1 và anh M phải trả cho chị L số tiền 1.150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 12/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

* Tại bản khai ngày 27/7/2022, bà Cao Thị L1 trình bày: Từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/6/2021, chị có vay của chị Cao Thị L 05 lần với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng. Ngày 12/02/2022, chị có viết biên nhận tổng kết nợ lại với chị Cao Thị L. Từ khi vay lần đầu đến khi có Chỉ thị số 16 lúc dịch bệnh Covid thì chị có đóng lãi cho chị L1 theo lãi suất là 4%/tháng, sau đó lãi suất là 2%/tháng đến ngày 15/12/2021 thì ngưng cho đến nay, chị không có chứng cứ gì về việc đóng lãi. Số tiền này chị vay thì ông Lê Văn M không biết và không sử dụng. Chị đồng ý trả số tiền 1.150.000.000 đồng cho bà L nhưng không đồng ý trả lãi. Chị xin trả dần mỗi tháng có bao nhiêu sẽ trả bấy nhiêu cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn.

* Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng Th trình bày: Chị Cao Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị L chỉ yêu cầu chị Cao Thị L1 trả số tiền 1.150.000.000 đồng và tiền lãi, không yêu cầu anh Lê Văn M liên đới trả. Ngày 12/02/2022, khi chị L1 và chị M chốt nợ, chị L có yêu cầu chị L1 trả hết số tiền 1.150.000.000 đồng. Tiền lãi chị L yêu cầu cụ thể như sau:

Tiền lãi từ 12/02/2022 đến ngày 12/4/2022 đối với số tiền 1.150.000.000 đồng theo lãi suất 0,83%/tháng là 19.090.000 đồng.

Tiền lãi từ 13/4/2022 đến ngày 17/8/2022 (làm tròn 04 tháng) đối với số tiền 1.150.000.000 đồng theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất trong hạn) là 57.270.000 đồng.

- Bị đơn chị L1 trình bày: Mục đích chị vay tiền của chị L1 là để cho con rể chị cho vay lại. Ngày 12/02/2022, khi chị và chị L chốt nợ, chị có xin chị L cho chị trả dần cho đến khi hết số tiền 1.150.000.000 đồng nhưng chị L không đồng ý và yêu cầu chị trả hết số tiền 1.150.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả số tiền 1.150.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn là chị Cao Thị L khởi kiện yêu cầu chị Cao Thị L1 trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Lê Văn M nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Lê Văn M theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị Cao Thị L có thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị L chỉ yêu cầu chị Cao Thị L1 trả số tiền 1.150.000.000 đồng và tiền lãi không yêu cầu anh Lê Văn M liên đới trả. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

[3.1] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

Chị L1 khai chị đã trả tiền lãi cho chị L từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/12/2021 nhưng chị L không thống nhất. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì chị L1 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh đối với số tiền lãi đã trả cho chị L. Tuy nhiên, chị L không cung cấp chứng cứ về số tiền lãi đã thanh toán và không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả.

Chị Cao Thị L và chị Cao Thị L1 thống nhất chị Cao Thị L1 còn nợ chị Cao Thị L số tiền vay là 1.150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/02/2022. Chị Cao Thị L1 đồng ý trả số tiền 1.150.000.000 đồng cho chị Cao Thị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi*:

Chị L1 yêu cầu chị L1 trả tiền lãi trong hạn theo lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 1.150.000.000 đồng từ ngày 12/02/2022 đến ngày 12/4/2022 và tiền lãi quá hạn theo lãi suất 150% lãi suất trong hạn đối với số tiền 1.150.000.000 đồng từ ngày 13/4/2022 đến ngày 17/8/2022 (làm tròn bốn tháng) là có căn cứ theo Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a, c khoản 2 Điều 5 Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tiền lãi từ 12/02/2022 đến ngày 12/4/2022 (02 tháng) là:

$02 \times 0,83\% \times 1.150.000.000 \text{ đồng} = 19.090.000 \text{ đồng}.$

Tiền lãi từ 13/04/2022 đến ngày 17/8/2022 (làm tròn 04 tháng) là:

$04 \times 0,83\% \times 150\% \times 1.150.000.000 \text{ đồng} = 57.270.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng là 76.360.000 đồng.

[4] *Về yêu cầu xin trả dần*: Chị Cao Thị L1 yêu cầu được trả dần số tiền 1.150.000.000 đồng. Xét thấy, chị L1 nợ số tiền này của chị L đã lâu, gây thiệt thòi quyền lợi của chị L. Hơn nữa, yêu cầu trả dần này không được chị L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc chị L1 yêu cầu trả dần.

[4] *Về án phí*: Chị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị L.

Buộc chị Cao Thị L1 có trách nhiệm trả cho chị Cao Thị L số tiền 1.150.000.000 đồng và số tiền lãi 76.360.000 đồng, tổng cộng là 1.226.360.000 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Cao Thị L1 phải chịu 48.791.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho anh Cao Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.403.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005519 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị L, chị Cao Thị L1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni